

PHỤ LỤC
DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM
(Kèm theo Quyết định số: -QĐ/UBND ngày tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND xã Đại Hợp)

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Giới tính (1: Nam 2: Nữ)	Ngày/tháng/năm sinh	Thôn, khu dân cư
I	Hộ nghèo				
1	Đàm Đình Chuyên	Kinh	1	01/01/1958	Báo Đáp
2	Nguyễn Khánh Trung	Kinh	1	15/05/1988	Báo Đáp
3	Nguyễn Thị Khánh	Kinh	2	01/01/1956	Báo Đáp
4	Vũ Đình Thiềng	Kinh	1	22/10/1957	Báo Đáp
5	Nguyễn Thị Hình	Kinh	2	01/01/1962	Báo Đáp
6	Nguyễn Thị Dòn	Kinh	2	01/01/1960	Độ Trung
7	Nguyễn Thị Mười	Kinh	2	01/01/1947	Độ Trung
8	Nguyễn Thị Lịch	Kinh	2	01/01/1947	Độ Trung
9	Nguyễn Thị Hằng	Kinh	2	01/01/1949	Độ Trung
10	Nguyễn Thị Bé	Kinh	2	01/01/1954	Độ Trung
11	Nguyễn Thị Nhân	Kinh	2	01/01/1958	Độ Trung
12	Nguyễn Thị Oong	Kinh	2	01/01/1949	Độ Trung
13	Nguyễn Thị Dương	Kinh	2	01/01/1961	Độ Trung
14	Ngô Thị Lành	Kinh	2	10/01/1992	Độ Trung
15	Ngô Thị Sính	Kinh	2	01/01/1948	Độ Trung
16	Ngô Thị Nhụ	Kinh	2	01/01/1960	Độ Trung
17	Vũ Thị Bé	Kinh	2	01/01/1960	Độ Trung
18	Lê Đình Ngói	Kinh	1	01/01/1956	Quảng Giang
19	Trương Thị Nguyên	Kinh	2	01/01/1959	Quảng Giang
20	Trương Thị Vằng	Kinh	2	01/01/1949	Quảng Giang
21	Trương Thị Thắm	Kinh	2	01/01/1966	Quảng Giang
22	Lê Thị Vượng	Kinh	2	01/01/1949	Quảng Giang
23	Phạm Thị Khoái	Kinh	2	01/01/1961	Quảng Giang
24	Trương Thị Đô	Kinh	2	02/02/1949	Quảng Giang
25	Lê Thị Tách	Kinh	2	01/01/1957	Quảng Giang
26	Trương Thị Liên	Kinh	2	02/06/1952	Quảng Giang

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Giới tính (1: Nam 2: Nữ)	Ngày/tháng/năm sinh	Thôn, khu dân cư
27	Lê Đình Mãi	Kinh	1	12/12/1958	Quảng Giang
28	Lê Đình Chúc	Kinh	1	18/09/1980	Quảng Giang
29	Hà Thị Cạn	Kinh	2	01/10/1976	Quảng Giang
II	Hộ cận nghèo				
1	Lê Thị Doanh	Kinh	2	01/01/1955	Báo Đáp
2	Nguyễn Đình Kha	Kinh	1	01/01/1942	Báo Đáp
3	Lê Thị Sáng	Kinh	2	26/08/1966	Báo Đáp
4	Trương Đình Tiến	Kinh	1	15/04/1945	Báo Đáp
5	Đào Thị Hồng	Kinh	2	15/08/1990	Báo Đáp
6	Hà Văn Kèo	Kinh	1	21/10/1962	Độ Trung
7	Nguyễn Thị Cánh	Kinh	2	18/01/1975	Độ Trung
8	Nguyễn Thị Cốc	Kinh	2	16/06/1958	Độ Trung
9	Hoàng Thị Vương	Kinh	2	01/01/1958	Độ Trung
10	Hà Thị Muộn	Kinh	2	08/05/1975	Độ Trung
11	Đỗ Thị Diễm	Kinh	2	19/05/1957	Độ Trung
12	Phạm Thị Số	Kinh	2	02/02/1958	Độ Trung
13	Nguyễn Thị Bé	Kinh	2	10/03/1963	Độ Trung
14	Nguyễn Thị Bội	Kinh	2	20/05/1979	Độ Trung
15	Nguyễn Thị Niệm	Kinh	2	07/08/1968	Độ Trung
16	Nguyễn Thị Đô	Kinh	2	10/08/1963	Độ Trung
17	Nguyễn Xuân Hiện	Kinh	1	01/01/1967	Độ Trung
18	Nguyễn Thị Len	Kinh	2	26/04/1955	Độ Trung
19	Nguyễn Thị Bé	Kinh	2	01/01/1959	Độ Trung
20	Nguyễn Đức Ngọ	Kinh	1	07/05/1952	Độ Trung
21	Nguyễn Thị Dui	Kinh	2	13/05/1960	Độ Trung
22	Vũ Thị Thành	Kinh	2	20/01/1960	Độ Trung
23	Vũ Đình Căn	Kinh	1	25/05/1947	Độ Trung
24	Nguyễn Xuân Duyên	Kinh	1	15/10/1960	Độ Trung
25	Nguyễn Xuân Tính	Kinh	1	10/06/1981	Độ Trung
26	Ngô Văn Thống	Kinh	1	22/01/1962	Độ Trung

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	Giới tính (1: Nam 2: Nữ)	Ngày/tháng/năm sinh	Thôn, khu dân cư
27	Hà Thị Hiền	Kinh	2	01/01/1961	Quảng Giang
28	Trương Thị Ngon	Kinh	2	01/01/1957	Quảng Giang
29	Lê Đình Bối	Kinh	1	01/01/1956	Quảng Giang
30	Nguyễn Thị Gái	Kinh	2	01/01/1948	Quảng Giang
31	Lê Thị Hô	Kinh	2	21/03/1950	Quảng Giang
32	Lê Thị Tươi	Kinh	2	01/01/1967	Quảng Giang
33	Lê Thị Khản	Kinh	2	05/05/1954	Quảng Giang
34	Lê Đình Kiên	Kinh	1	01/01/1978	Quảng Giang
35	Lê Đình Tại	Kinh	1	01/01/1952	Quảng Giang
36	Lê Đình Quang	Kinh	1	03/02/1963	Quảng Giang
37	Vũ Đình Huy	Kinh	1	14/07/1957	Quảng Giang
38	Đào Thị Hoa	Kinh	2	16/02/1982	Quảng Giang
39	Nguyễn Đình Huỳnh	Kinh	1	08/10/1981	Quảng Giang
40	Nguyễn Thành Nghi	Kinh	1	16/09/1958	Quảng Giang
41	Trương Đình Thực	Kinh	1	06/05/1991	Quảng Giang
III	Tổng cộng (I+II): 70 hộ				